

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *228* /SYT-NVY
V/v xin thuận chủ trương bãi bỏ
Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND
và Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND.

Bình Phước, ngày *26* tháng 01 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngày 12/12/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND quy định về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Để triển khai thực hiện, Sở Y tế kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét thuận chủ trương bãi bỏ các Quyết định sau:

1. Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Ban hành Biểu giá thu một phần viện phí và phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

2. Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Bãi bỏ 19 danh mục kỹ thuật tại Phần E ban hành kèm theo Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh ban hành Biểu giá thu một phần viện phí và phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Sở Y tế rất mong UBND tỉnh xem xét, chấp thuận.

Trân trọng! *κ*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở;
- Các phó giám đốc Sở;
- Các phòng chức năng Sở;
- Lưu VT, NVY(C 26.01).



Nguyễn Đông Thông

Số: 40/2012/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 21 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Biểu giá thu một phần viện phí và phí dịch vụ
khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư liên bộ số 14/TTLB ngày 30/9/1995 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Vật giá Chính phủ về hướng dẫn thực hiện việc thu một phần viện phí; Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH ngày 26/01/2006 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về bổ sung Thông tư liên bộ số 14/TTLB ngày 30/9/1995 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Vật giá Chính phủ về hướng dẫn thực hiện việc thu một phần viện phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2012/NQ-HĐND ngày 06/8/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua quy định giá thu một phần viện phí và phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 110/TTr-SYT ngày 26/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Biểu giá thu một phần viện phí và phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể:

- Phần A: Giá khám bệnh và kiểm tra sức khỏe (có danh mục Biểu giá kèm theo);

- Phần B; Giá giường bệnh và ngày điều trị nội trú (có danh mục Biểu giá kèm theo);

- Phần C: Giá các dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm (có danh mục Biểu giá kèm theo);

- Phần D: Giá viện phí áp dụng cho người bệnh điều trị nội trú, ngoại trú và người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế của Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 26/01/2006 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có danh mục Biểu giá kèm theo);

- Phần E:

+ E1: Các danh mục kỹ thuật khác chưa có khung giá (có danh mục Biểu giá kèm theo);

+ E2: Giá các dịch vụ phí theo yêu cầu (có danh mục Biểu giá kèm theo);

Điều 2. Mức thu một phần viện phí của từng dịch vụ y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh và các chi phí thực tế về thuốc, hóa chất, vật tư y tế, vật tư tiêu hao, vật tư tiêu hao đặc biệt mà người bệnh đã sử dụng trong quá trình chẩn đoán và điều trị (cả điều trị nội trú và ngoại trú) là cơ sở để thanh toán viện phí đối với các đối tượng người bệnh, kể cả người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 3. Thời điểm áp dụng: Từ ngày 01/01/2013.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành biểu giá thu một phần viện phí và phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tư pháp, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các cơ sở y tế công lập, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lợi

Số: 58/2013/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 20 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ 19 danh mục kỹ thuật tại Phần E ban hành kèm theo Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh ban hành Biểu giá thu một phần viện phí và phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư liên bộ số 14/TTLB ngày 30/9/1995 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Vật giá Chính phủ về hướng dẫn thực hiện việc thu một phần viện phí;

Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH ngày 26/01/2006 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về bổ sung Thông tư liên bộ số 14/TTLB ngày 30/9/1995 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Vật giá Chính phủ về hướng dẫn thực hiện việc thu một phần viện phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

Căn cứ Nghị Quyết số 10/2012/NQ-HĐND ngày 06/8/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua quy định giá thu một phần viện phí và phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị Quyết số 21/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua sửa đổi, bổ sung giá Mục 107 phần C, phần E danh mục kèm theo Nghị Quyết số 10/2012/NQ-HĐND ngày 06/8/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 170/TTr-SYT ngày 13/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ 19 danh mục kỹ thuật tại Phần E ban hành kèm theo Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh ban hành Biểu giá thu một phần viện phí và phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước (có danh mục kèm theo).

Các nội dung khác không bãi bỏ thì vẫn thực hiện theo Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Biểu giá thu một phần viện phí và phí dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các cơ sở y tế công lập, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, Phòng: VHXH, KTTH;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

PHẦN E: CÁC KỸ THUẬT CHƯA CÓ GIÁ VÀ ĐIỀU TRỊ THEO YÊU CẦU

(Kèm theo Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 20 /12/2013 của UBND tỉnh)

	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Đơn vị đồng		
4	Khám thai	25.000		
5	Khám phụ khoa	25.000		
6	Tư vấn SKSS	10.000		
7	Phá thai nội khoa < 7 w	300.000		
8	Phá thai nội khoa 7 - < 8 tuần	350.000		
9	Phá thai nội khoa từ 8 w -12w	400.000		
10	Hút thai < 7 w	200.000		
11	Hút thai 7 - 11w	250.000		
12	Hút thai 12 w	400.000		
13	Hút thai bệnh lý <10w	450.000		
14	Hút thai lưu >10w	500.000		
15	Tiền mê để hút thai	50.000		
16	Khâu tầng sinh môn thẩm mỹ	500.000		
17	Đặt/ tháo dụng cụ tử cung	50.000		
18	Đặt/tháo que cấy	200.000		
19	Tháo dụng cụ tử cung (khó)	150.000		
20	Siêu âm âm đạo	50.000		
21	Siêu âm đo độ mở da gáy	60.000		
22	XN tình dục	40.000		